TÒA PHÚC THẨM **TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 187/2025/HC-PT
Ngày: 28-11- 2025
V/v "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Cường
Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Ngọc Dung
Bà Trần Thị Kim Liên

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Lưu Thị Hưởng - Thẩm tra viên Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Ông Quách Đức Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2025, tại Trụ sở Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 06/2025/TLPT-HC ngày 01/10/2025 V/v "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư*".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2025/HC-ST ngày 08-8-2025 của Tòa Á bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 124A/2025/QĐ-PT ngày 14/11/2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Phan T, sinh năm 1950; địa chỉ: tổ I, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là tổ I, phường P, thành phố H), có mặt tại phiên toà.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Văn V; địa chỉ: phường P, thành phố H, có mặt tại phiên toà.

2. Người bị kiện:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H (kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã H, thành phố H và Ủy ban nhân dân thị xã H, thành phố H); địa chỉ: số A đường N, phường P, thành phố H. Người đại

diện theo pháp luật: Ông Lê Bá Minh H, chức vụ - Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị Ẩ; địa chỉ: tổ I, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là tổ I, phường P, thành phố H).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Văn V; địa chỉ: phường P, thành phố H, có mặt tại phiên toà.

Người kháng cáo: Ông Phan Thỉ .

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Nội dung Đơn khởi kiện và trình bày của người khởi kiện thể hiện:

Năm 1975, sau khi cha ruột của ông Phan T là ông Phan C có Đơn xin hồi cư và được Uỷ ban nhân dân (UBND) xã T chấp nhận thì gia đình ông Phan T trở về quê và sinh sống tại tổ I, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là tổ I, phường P, thành phố H) cho đến nay. Vợ chồng ông Phan T xây dựng nhà cửa trên thửa đất rộng gần 9.000m^2 để sinh sống. Năm 2017 vợ chồng ông Phan T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ), quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 422011 tại thửa số 74, tờ bản đồ 38 (theo bản đồ địa chính) với tổng diện tích 2.963,2m^2 (thửa 26-theo hồ sơ đo đạc GPMB: tổng diện tích 3.201,6m^2), trong đó diện tích đất ở 300m^2, đất trồng cây lâu năm 2.663,2m^2. Ngoài ra, thửa đất số 196, diện tích thửa đất 3685,2m^2 (thửa đất này chưa được cấp GCNQSDĐ). Hai thửa đất này liền kề nhau, có nguồn gốc là một thửa đất.

Đến tháng 12 năm 2023 thì bị Nhà nước thu hồi đất theo Quyết định số 4348/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND thị xã H về việc thu hồi đất để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp G và trả tiền bồi thường theo Quyết định số 4339/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND thị xã H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp G (Đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp P giai đoạn III) tại phường P, thị xã H.

Vợ chồng tôi không đồng ý với 2 quyết định hành chính số 4348/QĐ-UBND và 4339/QĐ-UBND cùng ban hành ngày 29/12/2023 của UBND thị xã H. Do đó, Đề nghị Toà án xét xử hủy bỏ một phần trong 2 quyết định hành chính số 4348/QĐ-UBND và 4339/QĐ-UBND cùng ban hành ngày 29/12/2023 của UBND thị xã H đối với hộ gia đình tôi là ông Phan T và bà Phạm Thị Ẩ, cụ thể:

- Đối với quyết định 4348/QĐ-UBND của UBND thị xã H: Yêu cầu huỷ quyết định 4348/QĐ-UBND đối với hộ gia đình tôi là ông Phan T và bà Phạm Thị Ẩ, hộ gia đình tôi với diện tích trong thẻ 2.963m^2 và diện tích đất ngoài thẻ 5.586,6m^2, tổng cộng là 8.549,6m^2. Việc bồi thường, tái định cư phải giao lại cho

hộ chúng tôi diện tích đất nhiều hơn, tương đương số tiền bồi thường đất ở cân đối lại đơn giá đất và diện tích đất tái định cư được giao bằng như nhau theo nguyên tắc đất đổi đất (Đơn giá bồi thường đất ở phải là 1.280.000 đồng).

- Đối với quyết định 4339/QĐ-UBND của UBND thị xã H, kèm theo Phụ lục 1: Yêu cầu huỷ quyết định 4339/QĐ-Uỷ ban nhân dân đối với hộ gia đình tôi là ông Phan T và bà Phạm Thị Ả, S thứ tự theo Phụ lục: 27.

Gia đình tôi đã nhận lệnh cưỡng chế thu hồi đất số 7815/QĐ-UBND ngày 16/9/2024 của UBND thị xã H nên gia đình tôi chấp hành theo chủ trương của nhà nước, đã nhận tiền bồi thường là 3.696.870.000 đồng. Nhưng tôi nhận thấy Hội đồng bồi thường, hỗ trợ tái định cư thị xã H bồi thường chưa đúng do xác định sai mục đích sử dụng của hai thửa đất: Thửa số 26 và thửa số 196 nên số tiền bồi thường cho hộ gia đình tôi bị thiếu, do vậy tôi mới khởi kiện yêu cầu huỷ bỏ một phần Quyết định 4339/QĐ-UBND của UBND thị xã H đối với phần diện tích đất bị thu hồi, cưỡng chế của hộ gia đình ông, bà Phan T, Phạm Thị Ả.

+ Buộc Chủ tịch UBND thị xã H huỷ bỏ toàn bộ nội dung Quyết định về việc cưỡng chế thu hồi đất số 7815/QĐ-UBND ngày 16/9/2024 của chủ tịch UBND thị xã H.

+ Buộc UBND thị xã H, Tổ chức bồi thường thị xã H khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình tôi bị xâm phạm do các quyết định hành chính trái pháp luật này gây ra do thiệt hại về đất ở.

+ Yêu cầu Tiền hỗ trợ tìm kiếm việc làm mới do đất bị thu hồi hết toàn bộ theo Nghị định 50 của UBND tỉnh T (nay là thành phố H).

Hộ gia đình tôi mới chỉ được nhận khoản tiền ăn 24 tháng cho 2 nhân khẩu là 22.000.000 đồng.

Tại phiên toà, người khởi kiện xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tiền hỗ trợ tìm kiếm việc làm mới do đất bị thu hồi hết toàn bộ.

2. Tại Công văn số 1097/UBND-PTQĐ ngày 13/5/2025 của UBND thị xã H (cũ) về việc việc phúc đáp Công văn số 1602/2025/CV-TA ngày 01/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Huế và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, người bị kiện UBND thị xã H, Chủ tịch UBND thị xã H trình bày như sau:

Thứ nhất:

Người khởi kiện ông Phan T yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Huế tuyên hủy một phần Quyết định số 4339/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND thị xã H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp G (Đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp P giai đoạn III) tại phường P, thị xã H (Quyết định số 4349/QĐ-UBND ngày 29/12/2023) và huỷ một phần Quyết định số 4348/QĐ-UBND ngày 29/12/2023

của UBND thị xã H về việc thu hồi đất để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp G (Đầu tư hạ tầng Khu Công nghiệp P giai đoạn III tại phường P, thị xã H (Quyết định số 4348/QĐ-UBND ngày 29/12/2023).

Theo hồ sơ đo đạc giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp G tại phường P, thị xã H, thành phố H: người khởi kiện ông Phan T (vợ là bà Phạm Thị Ả) bị ảnh hưởng 09 thửa đất, trong đó các thửa đất liên quan đến Quyết định số 4348/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 và Quyết định số 4339/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND thị xã H mà Tòa án nhân dân thành phố Huế đề nghị trình bày ý kiến và cung cấp tài liệu, chứng cứ gồm:

- Thửa đất số 26, diện tích thửa đất 3.201,6m², diện tích thu hồi 1.715,4m², diện tích còn lại 1.486,2m² (Theo hồ sơ đo đạc GPMB), phần diện tích còn lại hộ gia đình đề nghị thu hồi hết. Thửa đất này đã được UBND thị xã H cấp GCNQSDĐ số CG 422011 ngày 09/01/2017, diện tích 2.963,2m², mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị 300m² và đất trồng câu lâu năm 2.663,2m². Phần diện tích 238,4m² chênh lệch giữa hồ sơ đo đạc giải phóng mặt bằng và GCNQSDĐ được xác định nằm ngoài GCNQSDĐ và có nguồn gốc là đất khe suối do UBND phường P quản lý, không đủ điều kiện bồi thường.

- Thửa đất số 196, diện tích thửa đất 3685,2m², diện tích thu hồi 3680,4m², diện tích còn lại 4,8m² (thửa đất này chưa được cấp GCNQSDĐ, phần diện tích còn lại hộ gia đình đề nghị thu hồi hết).

Liên quan đến 02 thửa đất nêu trên, UBND thị xã H đã ban hành Quyết định số 4348/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 về việc thu hồi đất để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp G (Đầu tư hạ tầng Khu Công nghiệp P giai đoạn III) tại phường P, thị xã H (đợt C) và Quyết định số H4339/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp G (Đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp P giai đoạn III) tại phường P, thị xã H (đợt 52). Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ đất đai và tài sản gắn liền với đất 02 thửa đất nêu trên của hộ gia đình ông, bà Phan T, Phạm Thị Ả là: 3.696.870.000 đồng. Tại thời điểm quyết định thu hồi đất, căn cứ các quy định pháp luật liên quan, UBND thị xã H đã ban hành quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ gia đình ông, bà Phan T, Phạm Thị Ả theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông, bà Phan T, Phạm Thị Ả không chấp hành quyết định thu hồi đất và bàn giao đất cho đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Ngày 16/9/2024, Chủ

tịch UBND thị xã H đã ban hành Quyết định số 7815/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất.

Ngày 09/01/2025, ông, bà Phan T, Phạm Thị Ấ đã chấp hành nhận tiền bồi thường, hỗ trợ nêu trên và bàn giao đất để thực hiện dự án. Do đó, UBND thị xã không đồng ý với nội dung yêu cầu của người khởi kiện.

Thứ hai:

Bồi thường, tái định cư phải giao lại cho hộ gia đình chúng tôi diện tích đất nhiều hơn, tương đương số tiền bồi thường đất ở cân đối lại đơn giá đất và diện tích đất tái định cư được giao bằng như nhau theo nguyên tắc đất đổi đất.

Liên quan đến nội dung ý kiến nêu trên, Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Gilimex tại thị xã H đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 10/3/2021, thu hồi diện tích đất là 460,85ha, ảnh hưởng khoảng 700 hộ gia đình. Qua rà soát quỹ đất trên địa bàn thị xã H tại thời điểm thu hồi đất, không còn quỹ đất để thực hiện bồi thường bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi. Vì vậy, việc bồi thường về đất của dự án được thực hiện bằng việc bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do UBND tỉnh T quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất theo phương án đã phê duyệt.

UBND thị xã H đã phê duyệt phương án bồi thường về đất bằng tiền và giao đất ở tái định cư cho hộ gia đình ông, bà Phan T, Phạm Thị Ấ tại Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 13/01/2025 với diện tích 290,3m² thuộc thửa đất số 799, tờ bản đồ địa chính số 17, toạ lạc tại phường P, thị xã H là đúng quy định pháp luật.

Thứ ba:

Đơn giá bồi thường đất ở phải là 1.280.000 đồng. Liên quan đến nội dung ý kiến nêu trên, tại thời điểm quyết định thu hồi đất, căn cứ Điều 14 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 80/2019/QĐ-UBND ngày 21/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế áp dụng trong thời gian 5 năm (2020-2024); Phụ lục VII phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 03/02/2023 của UBND tỉnh T về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế áp dụng trong thời gian 5 năm (2020 - 2024) và Quyết định số 3390/QĐ-UBND ngày 06/11/2023 của UBND thị xã H về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện 29 công trình, dự án trong năm 2023 trên địa bàn thị xã H, UBND thị xã H đã xác định vị trí đất để tính tiền bồi thường của hộ gia đình ông, bà Phan T, Phạm Thị Ấ thuộc "*Vị trí 1, các tuyến đường còn lại, với đơn giá đất là: 840.000 đồng/m² x hệ số giá đất bồi thường 2,5 = 2.100.000 đồng/m²*" là đúng theo quy định pháp luật. Do đó, ý kiến của hộ gia đình ông, bà Phan T, Phạm Thị Ấ đề nghị bồi thường đất ở với đơn giá là 1.280.000 đồng, UBND thị xã H không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Thứ tư:

Yêu cầu tiền hỗ trợ tìm kiếm việc làm mới do đất bị thu hồi hết toàn bộ.

Liên quan đến nội dung ý kiến nêu trên, tại thời điểm quyết định thu hồi đất, căn cứ khoản 1 Điều 24 Quyết định 50/2023/QĐ-UBND ngày 25/9/2023 UBND tỉnh T ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, UBND thị xã H đã phê duyệt phương án hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi thửa đất số 196, loại đất thu hồi: đất trồng cây lâu năm cho hộ gia đình ông, bà Phan T, Phạm Thị Ẩ tại Quyết định số 4339/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 là đúng theo quy định pháp luật.

Thứ năm:

Hộ gia đình mới chỉ nhận khoản tiền ăn 24 tháng cho 2 nhân khẩu là 22.000.000 đồng.

Liên quan đến nội dung ý kiến nêu trên, tại thời điểm quyết định thu hồi đất, số nhân khẩu trong hộ gia đình ông, bà Phan T, Phạm Thị Ẩ là 02 nhân khẩu (ông T, bà Ẩ), hộ gia đình bị thu hồi hết toàn bộ đất nông nghiệp đang sử dụng và phải di chuyển chỗ ở. Căn cứ Điều 23 Quyết định 50/2023/QĐ-UBND ngày 25/9/2023 của UBND tỉnh T ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, UBND thị xã H đã phê duyệt phương án hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất cho hộ gia đình ông, bà Phan T1, Phạm Thị Ẩ tại Quyết định số 4339/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 với tổng giá trị 22.320.000 đồng là đúng theo quy định pháp luật.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Ẩ trình bày:

Thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của người khởi kiện ông Phan T. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

4. Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 16/4/2025:

Ông Phan T và bà Phạm Thị Ẩ thống nhất về tài sản trên đất và cây cối với giá đền bù theo Quyết định số 65/2020/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 và Điều 1 Quyết định số 372/2023/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 (Hệ số bồi thường hỗ trợ). Ông Phan T và bà Phạm Thị Ẩ đề nghị xem xét về đất bồi thường là 01 thửa để đảm bảo quyền lợi gia đình ông bà.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2025/HC-ST ngày 08-8-2025 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 4922/2025/QĐ-TA ngày 26/8/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Huế đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 116; Điều 157; khoản 1 Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 2 Điều 173; Điều 348 Luật Tố tụng hành chính 2015. Luật Đất đai 2013. Điều 12 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017 sửa đổi, bổ sung Điều 11 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP

ngày 15/5/2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Nghị định 151/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính Phủ quy định về phân định thẩm quyền của Chính quyền địa phương 02 cấp, phân cấp quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai. Nghị quyết số 01/ NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan T về yêu cầu tuyên hủy một phần đối với Quyết định hành chính số 4348/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp G (Đầu tư hạ tầng Khu Công nghiệp P giai đoạn III tại phường P, thị xã H và Quyết định số 4339/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp G (Đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp P giai đoạn III) tại phường P, thị xã H của UBND thị xã H (nay là UBND phường P, thành phố H) đối với hộ gia đình ông Phan T và bà Phạm Thị Ả cùng ban hành ngày 29/12/2023.

2. Bác yêu cầu của ông Phan T đối với yêu cầu huỷ bỏ toàn bộ nội dung của Quyết định về việc cưỡng chế thu hồi đất số 7815/QĐ-UBND ngày 16/9/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã H (nay là Chủ tịch UBND phường P, thành phố H).

3. Đình chỉ một phần nội dung yêu cầu khởi kiện của ông T đối với yêu cầu tiền hỗ trợ tìm kiếm việc làm mới do đất bị thu hồi hết toàn bộ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 22/8/2025, người khởi kiện là ông Phan T kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Phan T trình bày giữ nguyên Đơn khởi kiện, Đơn kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, buộc người bị kiện bồi thường bổ sung số tiền thiệt hại về đất là 8.973.952.000 đồng và giao thêm 1.000m^2 đất khu tái định cư tổ H phường P, thành phố H.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án theo trình tự phúc thẩm đến trước nghị án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của

Luật Tố tụng hành chính. Kháng cáo của ông ông Phan T là trong thời hạn luật định.

Về nội dung vụ án: Toà án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quyết định: bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan T là có căn cứ, đúng pháp luật. Người kháng cáo không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh kháng cáo là co căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của của ông Phan T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Sau khi nghe đương sự trình bày, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; sau khi thảo luận, nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Ngày 22/8/2025, người khởi kiện là ông Phan T kháng cáo Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2025/HC-ST ngày 08-8-2025 của Tòa án nhân dân thành phố Huế. Như vậy, kháng cáo của người khởi kiện là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 206 Luật Tố tụng hành chính, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Tại phiên toà sơ thẩm, người khởi kiện tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với nội dung: yêu cầu tiền hỗ trợ tìm kiếm việc làm mới do đất bị thu hồi hết toàn bộ. Toà án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 173 của Luật Tố tụng hành chính, đình chỉ giải quyết đối với nội dung này là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của ông Phan T:

[2.1] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện.

Ngày 29/8/2024, ông Phan T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Huế giải quyết hủy một phần các quyết định: Quyết định hành chính số 4348/QĐ-UBND (thu hồi, bồi thường), Quyết định số 4339/QĐ-UBND (phê duyệt phương án bồi thường) do UBND thị xã H ban hành cùng ngày 29/12/2023; huỷ Quyết định số 7815/QĐ-UBND ngày 16/9/2024 của Chủ tịch UBND thị xã H. Đây là các quyết định hành chính có liên quan đến hộ gia đình ông Phan T. Như vậy, Tòa án nhân dân thành phố Huế thụ lý, giải quyết là đúng đối tượng, đúng thẩm quyền và trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 30; Điều 32; Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2.2] Quá trình sử dụng, thu hồi đất:

- Thửa đất số 26, diện tích thửa đất 3.201,6m², diện tích thu hồi 1.715,4m², diện tích còn lại 1.486,2m² (Theo hồ sơ đo đạc GPMB), phần diện tích còn lại hộ gia đình đề nghị thu hồi hết.

Thửa đất này đã được UBND thị xã H cấp GCNQSDĐ số CG 422011 ngày 09/01/2017, diện tích 2.963,2m², mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị 300m² và đất trồng câu lâu năm 2.663,2m²; phần diện tích 238,4m² chênh lệch giữa hồ sơ đo đạc giải phóng mặt bằng với GCNQSDĐ được xác định nằm ngoài GCNQSDĐ

và có nguồn gốc là đất khe suối do UBND phường P quản lý, không đủ điều kiện bồi thường.

- Thửa đất số 196, diện tích thửa đất 3685,2m², diện tích thu hồi 3680,4m², diện tích còn lại 4,8m² (thửa đất này chưa được cấp GCNQSDĐ, phần diện tích còn lại hộ gia đình đề nghị thu hồi hết).

Tổng giá trị hộ gia đình ông, bà Phan T, Phạm Thị Ấ được bồi thường, hỗ trợ đối với 02 thửa đất và tài sản gắn liền với đất là 3.696.870.000 đồng. Ngày 09/01/2025, ông, bà Phan T, Phạm Thị Ấ đã chấp hành nhận tiền bồi thường, hỗ trợ nêu trên và ký giấy tờ bàn giao đất để thực hiện dự án.

[2.3] Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Gilimex tại thị xã H đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 10/3/2021, thu hồi diện tích đất là: 460,85ha. Tại thời điểm thu hồi đất, không còn quỹ đất để thực hiện bồi thường bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi. Vì vậy, việc bồi thường về đất của dự án được thực hiện bằng việc bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do UBND tỉnh T quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất theo phương án đã phê duyệt. UBND thị xã H đã phê duyệt phương án bồi thường về đất bằng tiền và giao đất ở tái định cư cho hộ gia đình ông, bà Phan T, Phạm Thị Ấ tại Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 13/01/2025 với diện tích 290,3m² thuộc thửa đất số 799, tờ bản đồ địa chính số 17, toạ lạc tại phường P, thị xã H là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2.4] Căn cứ quy định Luật Đất đai năm 2003, năm 2024; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; các Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024, số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024, số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ. Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ T3. Quyết định số 1351/QĐ-BTNMT ngày 04/6/2015 của Bộ T3. Quyết định số 67/2018/QĐ-UBND ngày 26/11/2018; Quyết định số 66/2019/QĐ-UBND ngày 21/10/2019; Quyết định số 80/2019/QĐ-UBND ngày 21/12/2019; Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 03/02/2023 của UBND tỉnh T. Quyết định số 8788/QĐ-UBND ngày 05/12/2024 của UBND thị xã H về việc phê duyệt Phương án bố trí tái định cư cho hộ gia đình, cá nhân khi thực hiện dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp G (Đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp P giai đoạn III) tại phường P, thị xã H (Đ), điều chỉnh, bổ sung là đúng quy định của pháp luật. Do đó, Đơn khởi kiện của ông Phan T đề nghị hủy một phần các quyết định: Quyết định hành chính số 4348/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp G (Đầu tư hạ tầng Khu Công nghiệp P giai đoạn III tại phường P, thị xã H và Quyết định số 4339/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường,

hỗ trợ cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp G (Đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp P giai đoạn III) tại phường P, thị xã H của UBND thị xã H (nay là UBND phường P, thành phố H) đối với hộ gia đình ông Phan T và bà Phạm Thị Ả cùng ban hành ngày 29/12/2023 là không có căn cứ.

[2.5] Với những nội dung đã được nhận định, phân tích tại các tiểu mục [2.1] đến [2.4] nêu trên xác định, Quyết định 4348/QĐ-UBND và Quyết định số 4339/QĐ-UBND do UBND thị xã H ban hành cùng ngày 29/12/2023 đã đảm bảo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, phù hợp với quy định của pháp luật, nhưng hộ gia đình ông Phan T không chấp hành. Do đó, ngày 16/9/2024 Chủ tịch UBND thị xã H ban hành Quyết định số 7815/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất. Ngày 21/9/2024 hộ ông Phan T đã ký nhận giao quyết định, tự nguyện chấp hành Quyết định số 7815 và nhận tiền bồi thường, nhận đất tái định cư. Do vậy, yêu cầu khơi kiện của ông Phan T về việc huỷ Quyết định số 7815/QĐ-UBND ngày 16/9/2024 của Chủ tịch UBND thị xã H là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, các đương sự không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới. Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự và với những nội dung được phân tích tại các mục [1], [2] nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2025/HC-ST ngày 08-8-2025 của Tòa án nhân dân thành phố Huế quyết định bác Đơn khởi kiện của ông Phan T là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, bác kháng cáo của ông Phan T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Phan T là người cao tuổi nên được miễn không phải chịu.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính. Bác kháng cáo của ông Phan T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 116; Điều 157; khoản 1 Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 2 Điều 173; Điều 348 Luật Tố tụng hành chính 2015. Luật Đất đai 2013. Điều 12 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017 sửa đổi, bổ sung Điều 11 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Nghị định 151/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính Phủ quy định về phân định thẩm quyền của Chính quyền địa phương 02 cấp, phân cấp quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai. Nghị quyết số 01/ NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm

phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

2.1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan T về yêu cầu tuyên hủy một phần đối với Quyết định hành chính số 4348/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp G (Đầu tư hạ tầng Khu Công nghiệp P giai đoạn III tại phường P, thị xã H và Quyết định số 4339/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp G (Đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp P giai đoạn III) tại phường P, thị xã H của UBND thị xã H (nay là UBND phường P, thành phố H) đối với hộ gia đình ông Phan T và bà Phạm Thị Ả cùng ban hành ngày 29/12/2023.

2.2. Bác yêu cầu của ông Phan T đối với yêu cầu huỷ bỏ toàn bộ nội dung của Quyết định về việc cưỡng chế thu hồi đất số 7815/QĐ-UBND ngày 16/9/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã H (nay là Chủ tịch UBND phường P, thành phố H).

2.3. Đình chỉ một phần nội dung yêu cầu khởi kiện của ông T đối với yêu cầu T2 hỗ trợ tìm kiếm việc làm mới do đất bị thu hồi hết toàn bộ.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Phan T là người cao tuổi nên được miễn không phải chịu.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

Võ Thị Ngọc Dung **Trần Thị Kim Liên** **Trần Quốc Cường**